TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2025/QĐST- HNGĐ	*Quận H, ngày 24 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 941/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1988

Trú tại: Đường N, phường T, quận H, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1983

Trú tại: Đường S, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: *Chị* **Bùi Thị T** và *anh* **Nguyễn Ngọc T** cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, *cùng nhất*

trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Vũ P; sinh ngày 19/4/2016 và Nguyễn Thảo V; sinh ngày 24/7/2014. Ly hôn anh, chị thỏa thuận chị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung từ tháng 01/2025 đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Chị T, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: Chị T, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi người phải chịu 1/2. Hai bên thỏa thuận để chị T chịu cả, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0034397 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Chị T được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND quận H;
- UBND phường T, quận H, thành phố Hà Nội.
(Số 96 ngày 29/9/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Vân